

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/10/2022.

V/v “ ly hôn ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.

2. Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327 /2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2022 về việc “ ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST -HN ngày 30 tháng 9 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2022/QDST- DS ngày 15 tháng 10 năm 2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lô Thị T, sinh năm 1992. (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hữu N, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2022 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nguyên đơn chị Lô Thị T trình bày:

Chị và anh N chung sống với nhau năm 2010, trên tinh thần tự nguyện không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Lô Tấn Phát, sinh ngày 16/10/2010 và . Hiện nay cháu đang sống với anh N, chị đồng ý để anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung, nợ chung không có.

Anh Lê Hữu N vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lô Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, anh Lê Hữu N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vắng mặt chị T và anh N là phù hợp với Điều 227, 288 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh N chung sống với nhau năm 2010, trên tin thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân được chị T xác định do bất đồng quan điểm nên chị và anh N ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Từ lúc ly thân nhau cho đến nay mỗi người đều có cuộc sống độc lập, không ai quan tâm đến ai. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Lê Lô Tấn Phát, sinh ngày 16/10/2010, hiện cháu đang sống với anh N, chị T đồng ý để anh N tiếp tục nuôi con chị T không cấp dưỡng nuôi con nên nghị nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lô Thị T phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lô Thị T đối với anh Lê Hữu N. Chị T được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Lô Tấn Phát, sinh ngày 16/10/2010 cho anh Ninh tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Tăm không phải cấp dưỡng nuôi. Việc anh N nuôi con phù hợp với nguyện vọng của cháu Phát.

Chị T không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong thời gian con chung chưa tròn 18 tuổi chị Tăm được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, anh N được quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lô Thị T khai không có, nên không xét đến.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lô Thị T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0008613 ngày 09/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy án phí chị T đã nộp đủ.

Chị T, anh N vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã Phú Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn